

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BẮC TỪ LIÊM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **230/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 27/6/2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Quang Hiên ; Ông Phí Văn Chân ;

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Vân – Thư ký TAND quận Bắc Từ Liêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thủy.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/05/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐ-HPT ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Đỗ Kim A, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: phường T, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú cuối cùng: phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 13/03/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:

Anh và chị Đỗ Kim A đăng ký kết hôn ngày 12/12/2015 tại Ủy ban nhân dân phường T trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhà bố mẹ đẻ anh tại phường Đ, quận Bắc Từ Liêm. Anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị Kim A chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh T đã trả nợ cho chị Kim A nhiều lần nhưng chị không thay đổi. Nhiều chủ nợ đã đến nhà tìm nên chị Kim A đã trốn đi nơi khác từ tháng 6/2020 đến nay. Chị Kim A không thông báo với anh là đi đâu. Khi mới bỏ đi, thỉnh thoảng chị Kim A có về thăm con chốc lát do sợ chủ nợ biết nên đi luôn, gần đây, chị Kim A

không về mà chỉ gọi điện hỏi thăm con qua bạn bè. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh được ly hôn với chị Đỗ Kim A.

Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 05/6/2016. Anh có nguyện vọng nuôi cháu Q, không yêu cầu chị Kim A cấp dưỡng.

Anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn trong vụ án, chị Đỗ Kim A đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa án làm việc (Đăng tin, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập) nhưng chị Kim A không có mặt theo triệu tập đến Tòa án để làm việc. Tòa án cũng đã đến nơi ở của chị Kim A để thu thập lời khai nhưng chị Kim A không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của chị Kim A về vụ việc.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, anh Nguyễn Đức T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Đỗ Kim A, được nuôi con chung của anh chị là Nguyễn Bảo Q; Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Các quy định về phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, tranh tụng đều được Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xử cho anh T được ly hôn với chị Kim A; Giao cháu Q cho anh T nuôi dưỡng ; Không giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Kim A là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú tại phường T, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, có nơi cư trú cuối cùng tại phường Đ, quận Bắc Từ Liêm nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm theo quy định tại Điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc xét xử vắng mặt chị Kim A: Chị Kim A đã bỏ đi khỏi nơi cư trú từ tháng

06/2020. Địa phương và người thân của chị Kim A phản ánh, chị Kim A có vài lần về thăm con nhưng lại đi ngay, có liên lạc qua điện thoại với gia đình, bạn bè nhưng không cung cấp thông tin về chỗ ở của chị nên không ai biết chị Kim A ở đâu. Do đó, chị Kim A thuộc trường hợp cố tình dấu diếm địa chỉ. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết công khai và đăng tin để triệu tập chị Kim A đến Tòa án làm việc, tham gia phiên tòa nhưng chị Kim A vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Kim A.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân : Anh Nguyễn Đức T và chị Đỗ Kim A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường T ngày 12/12/2015. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại phường Đ, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Anh chị chung sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn do chị Kim A không quan tâm đến gia đình, không chăm sóc chồng con, ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Chị Kim A đã bỏ đi nơi khác sinh sống đã được hai năm, không có trách nhiệm với gia đình. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh T, chị A là trầm trọng, đời sống vợ chồng không tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục kéo dài. Việc anh T xin ly hôn với chị Kim A là có căn cứ, cần chấp nhận. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị Kim A.

2.2. Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 05/6/2016, anh T có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu chị Kim A cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi chị Kim A bỏ đi nơi khác sinh sống, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, hiện chị Kim A ở đâu không rõ, để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho cháu Q, cần giao cháu Q cho anh T nuôi dưỡng. Chị Kim A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Kim A cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Kim A đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không giải quyết.

2.5. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T và chị Đỗ Kim A.

2. Về quan hệ hôn nhân : Anh Nguyễn Đức T được ly hôn với chị Đỗ Kim A.

3. Về con chung : Anh T, chị Kim A có một con chung là Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 05/6/2016. Giao cháu Q cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Kim A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Về cấp dưỡng nuôi con : Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Kim A đến khi có sự thay đổi khác.

5. Về tài sản chung và nợ chung : Không giải quyết.

6. Về án phí : Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0042990 ngày 15/03/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm nay chuyển thành án phí. Anh T đã nộp đủ án phí.

7. Về quyền kháng cáo : Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong vòng 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Bắc Từ Liêm,;
- Chi cục THADS quận Bắc Từ Liêm;
- UBND P.Xuân Tảo (Số 49, Q: 01/2015);
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Loan